TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ - ST
Ngày 16-6-2026.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoa, ông Lý Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Minh Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 27 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai). Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, anh B uống rượu về đánh, chửi chị T, nhiều lần anh B còn đuổi chị ra khỏi nhà và dọa giết chị. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng

thẳng, mệt mỏi. Vợ chồng đã tự tìm cách khắc phục mâu thuẫn đồng thời gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn B có 03 con chung là cháu Đặng Tiến V, sinh năm 2006, cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/4/2008 và cháu Đặng Thế V1, sinh ngày 14/01/2018. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ban đầu chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H, cháu V1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cháu H đã đủ 18 tuổi, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu V và cháu H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai, anh Đặng Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị Trương Thị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh B cho rằng anh không đánh chửi và đuổi chị T. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì các con còn nhỏ anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị T có 03 con chung là cháu Đặng Tiến V, sinh năm 2006, cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/4/2008 và cháu Đặng Thế V1, sinh ngày 14/01/2018. Anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nên không có ý kiến về phần con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Văn B nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Do đó chị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đối với vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy

đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Đặng Văn B.

Về con chung: Giao cháu Đặng Thế V1, sinh ngày 14/01/2018 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn B, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Lào Cai.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Đặng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào ngày 27 tháng 12 năm 2004, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tòa án

triệu tập để hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Thể hiện anh B không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đặng Văn B có 03 con chung là cháu Đặng Tiến V, sinh năm 2006, cháu Đặng Thị H, sinh ngày 22/4/2008 và cháu Đặng Thế V1, sinh ngày 14/01/2018. Chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V1 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu V, cháu H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Đề nghị của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Đặng Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác.

- Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thế V1, sinh ngày 14/01/2018 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đặng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001138 ngày 30-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh Đặng Văn B không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Huệ